

Số: /QĐ-SGTVT

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v thu hồi phù hiệu kinh doanh vận tải

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NAM

Căn cứ Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT ngày 15/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 12/2020/TT-BGTVT;

Căn cứ Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND, ngày 18/1/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Giao thông vận tải Hà Nam;

Căn cứ văn bản số 395/SGTVT-QLVT,PT&NL, ngày 14/03/2023 về việc chấn chỉnh, xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải thông qua thiết bị giám sát hành trình;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 111 phù hiệu của 43 đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện vi phạm tốc độ theo quy định (có danh sách phương tiện bị thu hồi phù hiệu kèm theo Quyết định này).

*** Lý do thu hồi phù hiệu:** Phương tiện trong 1 tháng có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống) theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 22 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ (số liệu trích xuất tháng 1/2023).

Điều 2. Các đơn vị có phương tiện bị thu hồi phù hiệu nêu tại Điều 1 có trách nhiệm nộp lại các phù hiệu bị thu hồi về Sở Giao thông vận tải Hà Nam qua phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái chậm nhất sau 07 ngày kể từ khi quyết định được ban hành; đồng thời không được sử dụng các phương tiện nêu trên để kinh doanh vận tải trong thời gian bị thu hồi phù hiệu. Sở Giao thông vận tải Hà Nam chỉ xem xét việc cấp phù hiệu cho phương tiện của đơn vị sau khi nhận được báo cáo khắc phục của đơn vị.

Điều 3. Giao Thanh tra Sở Giao thông vận tải Hà Nam phối hợp với các lực lượng chức năng tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý theo quy định đối với phương tiện nêu trên trong thời gian bị thu hồi và chưa được cấp lại phù hiệu mà vẫn tham gia kinh doanh vận tải.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Trưởng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái, Chánh Thanh tra Sở, thủ trưởng (đại diện) các đơn vị kinh doanh vận tải tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này../.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Tổng cục ĐBVN | (để b/c);
- Đ/c Giám đốc Sở
- Công an tỉnh
- Sở GTVT các tỉnh, tp | (để phối hợp);
- Công an các tỉnh, tp
- Các TT Đăng kiểm PT CGDB trên địa bàn;
- Trang TTĐT của Sở;
- Lưu: VT, QLVT,PTNL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Khổng Bình Nguyên

DANH SÁCH CÁC PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH VẬN TẢI
VI PHẠM VỀ TỐC ĐỘ QUA THEO DỒI HỆ THỐNG THIẾT BỊ GSHT TRONG THÁNG 01 NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số /QLVT,PT&NL ngày /4/2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Nam)

STT	Biển kiểm soát	Loại hình	Sở GTVT	Đơn vị vận tải	Vi phạm tốc độ		Tổng km hành trình
					Lần	/1000 Km	
1	90H00099	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN	686	70,22664	9.768,37
2	90C09387	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TM VÀ VT DUY KHANG	501	46,90286	10.681,65
3	90B00614	Xe hợp đồng	Hà Nam	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TM VÀ VT DUY KHANG	424	36,41855	11.642,42
4	90H00668	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TM VÀ VT DUY KHANG	418	40,77011	10.252,61
5	90H00132	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TM VÀ VT DUY KHANG	390	48,27704	8.078,37
6	90H01901	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TM VÀ VT DUY KHANG	362	30,28535	11.952,97
7	90C07468	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TM VÀ VT DUY KHANG	357	34,30733	10.405,94
8	90H01996	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY TNHH DUYÊN MẠNH	356	34,05144	10.454,77
9	90C09004	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH ĐT&PT TẤN PHÁT	337	34,03201	9.902,44
10	90H00241	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH KHÁNH HỒNG	311	44,51291	6.986,74
11	90C04698	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH KHÁNH HỒNG	294	41,45789	7.091,53
12	90H00173	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH KHÁNH HỒNG	279	31,91927	8.740,80
13	90H00114	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY TNHH KHÁNH HỒNG	249	29,24329	8.514,77
14	90C07230	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH KHÁNH HỒNG	205	19,48003	10.523,60

15	90C07585	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN BẢO MINH	202	24,38494	8.283,80
16	90H00512	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN BẢO MINH	190	18,61358	10.207,60
17	90C07855	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH MAI LINH HÀ NAM	170	30,63209	5.549,73
18	90C04724	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BẢO ANH	167	14,90682	11.202,92
19	90C02902	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BẢO ANH	150	13,70476	10.945,10
20	90H00688	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BẢO ANH	147	32,92176	4.465,13
21	90H02539	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BẢO ANH	138	19,44319	7.097,60
22	90C07285	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BẢO ANH	136	14,92664	9.111,23
23	90C08067	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BẢO ANH	135	20,42207	6.610,50
24	90C05162	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BẢO ANH	133	25,08746	5.301,45
25	90H02496	Xe tải	Hà Nam	CÔNG TY TNHH MTV THÀNH PHÁT LÝ NHÂN	130	19,10704	6.803,77
26	90C03658	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH QUANG VÂN	128	29,14304	4.392,13
27	90C07197	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH QUANG VÂN	128	11,57786	11.055,59
28	90C06831	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH QUANG VÂN	123	13,99618	8.788,11
29	90C08629	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH TÂM NHÌN QUỐC TẾ VIỆT NAM	118	16,12116	7.319,57
30	90C09721	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH TM-XD MINH HÀ	112	12,07594	9.274,64
31	90C07587	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH TM-XD MINH HÀ	106	14,14886	7.491,77
32	90C09090	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THẮNG LAN	106	9,20692	11.513,07
33	90B00413	Xe bus	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THẮNG LAN	102	11,60508	8.789,25
34	90C07265	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THẮNG LAN	97	22,41554	4.327,35
35	90C04611	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THẮNG LAN	96	13,43299	7.146,59

36	90C09168	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THẮNG LAN	95	10,62945	8.937,43
37	90H02421	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THẮNG LAN	92	19,26507	4.775,48
38	90C05125	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THẮNG LAN	91	11,89262	7.651,80
39	29B41337	Xe hợp đồng	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THẮNG LAN	89	7,35085	12.107,45
40	29B41309	Xe hợp đồng	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THẮNG LAN	89	7,14105	12.463,15
41	90H00137	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THUẬN HƯNG	88	7,52262	11.698,05
42	29B41466	Xe hợp đồng	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH ĐỊNH	88	7,34521	11.980,59
43	29B41384	Xe hợp đồng	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH ĐỊNH	86	7,31333	11.759,34
44	90H01880	Xe tải	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH ĐỊNH	85	9,24180	9.197,34
45	29B41300	Xe hợp đồng	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH ĐỊNH	85	6,27948	13.536,15
46	29B41422	Xe hợp đồng	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH ĐỊNH	85	7,89635	10.764,46
47	90H00305	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH ĐỊNH	84	6,90484	12.165,38
48	90B00384	Xe bus	Hà Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH ĐỊNH	77	8,76022	8.789,74
49	90H02407	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI NAM VÂN	76	9,97763	7.617,04
50	90H01461	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI NAM VÂN	76	9,01751	8.428,05
51	90C04663	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI SAO MAI	75	16,64852	4.504,91
52	90H00072	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THÀNH HẰNG	74	6,50285	11.379,63
53	90C08142	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THÀNH HẰNG	74	18,12968	4.081,70
54	90B00649	Xe bus	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THÀNH HẰNG	73	7,81454	9.341,56
55	90B00697	Xe bus	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THÀNH HẰNG	72	7,88422	9.132,17

56	90C10412	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ SƠN TÙNG	71	9,53668	7.444,94
57	90B00723	Xe bus	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI AN HÙNG CƯỜNG	71	8,15071	8.710,90
58	90H00565	Xe tải	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI LINH CHI HÀ NAM	71	19,98016	3.553,53
59	90H00354	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI LINH CHI HÀ NAM	68	7,61551	8.929,15
60	90B00705	Xe bus	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH ĐẠT PHÁT	58	6,01714	9.639,13
61	90C04815	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VTTM HUNG VƯỢNG	58	10,98434	5.280,24
62	90H00921	Xe tải	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VTTM HUNG VƯỢNG	57	6,09716	9.348,61
63	90B00343	Xe bus	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VTTM HUNG VƯỢNG	56	7,43487	7.532,08
64	90B00322	Xe bus	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VTTM HUNG VƯỢNG	56	7,07363	7.916,73
65	90H01749	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VTTM HUNG VƯỢNG	54	5,42644	9.951,28
66	90C10417	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VTTM HUNG VƯỢNG	54	5,03027	10.735,01
67	90H00079	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VTTM HUNG VƯỢNG	54	5,08263	10.624,43
68	90H00828	Xe tải	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VTTM HUNG VƯỢNG	53	7,30279	7.257,50
69	90C06869	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VTTM HUNG VƯỢNG	53	6,76813	7.830,82
70	90A05410	Xe taxi	Hà Nam	CÔNG TY TNHH VTTM HUNG VƯỢNG	53	5,66311	9.358,82
71	90B00319	Xe bus	Hà Nam	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PHÚ THÀNH	51	6,72415	7.584,60
72	90C06276	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PHÚ THÀNH	49	13,58737	3.606,29
73	90E00054	Xe taxi	Hà Nam	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PHÚ THÀNH	48	15,76413	3.044,89
74	90H01748	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI BẢO CHÂU	46	8,82994	5.209,55

75	90H02494	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH XUÂN TRƯỜNG	45	8,19023	5.494,35
76	90C07441	Xe đầu kéo	Hà Nam	CÔNG TY TNHH XUÂN TRƯỜNG	43	10,70215	4.017,89
77	90H01639	Xe Container	Hà Nam	CÔNG TY TNHH XUÂN TRƯỜNG	42	6,44133	6.520,39
78	90B00361	Xe bus	Hà Nam	CÔNG TY TNHH XUÂN TRƯỜNG	42	8,62633	4.868,81
79	90H00382	Xe đầu kéo	Hà Nam	CTY CP VẬN TẢI Ô TÔ HÀ NAM	40	9,06048	4.414,78
80	90H01796	Xe Container	Hà Nam	CTY CP VẬN TẢI Ô TÔ HÀ NAM	39	29,13374	1.338,65
81	90H00373	Xe đầu kéo	Hà Nam	CTY CP VẬN TẢI Ô TÔ HÀ NAM	39	8,41309	4.635,63
82	90A09694	Xe taxi	Hà Nam	CTY CP VẬN TẢI Ô TÔ HÀ NAM	36	5,74518	6.266,13
83	90C07889	Xe đầu kéo	Hà Nam	CTY CP VẬN TẢI Ô TÔ HÀ NAM	33	9,88793	3.337,40
84	90C05628	Xe đầu kéo	Hà Nam	CTY CP VẬN TẢI Ô TÔ HÀ NAM	30	12,38892	2.421,52
85	90H00485	Xe đầu kéo	Hà Nam	CTY CP VẬN TẢI Ô TÔ HÀ NAM	27	6,35718	4.247,17
86	90C07546	Xe đầu kéo	Hà Nam	CTY CP VẬN TẢI Ô TÔ HÀ NAM	26	6,19841	4.194,63
87	90C04659	Xe đầu kéo	Hà Nam	CTY CP VẬN TẢI Ô TÔ HÀ NAM	26	5,47829	4.746,00
88	90C06295	Xe đầu kéo	Hà Nam	CTY CP VẬN TẢI Ô TÔ HÀ NAM	25	6,81651	3.667,57
89	90C06731	Xe đầu kéo	Hà Nam	CTY TNHH HIỀN MINH	24	5,38847	4.453,95
90	90C04903	Xe đầu kéo	Hà Nam	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI HẢI ĐĂNG	24	5,85109	4.101,80
91	90C04120	Xe đầu kéo	Hà Nam	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI HẢI ĐĂNG	24	11,58597	2.071,47
92	90B00119	Xe bus	Hà Nam	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TM VÀ DU LỊCH NGUYỄN MINH	23	5,66603	4.059,28
93	90C04436	Xe đầu kéo	Hà Nam	ĐINH THỊ NHUNG 1991	22	8,35504	2.633,14
94	90C05438	Xe đầu kéo	Hà Nam	ĐINH THỊ NHUNG 1991	21	15,56212	1.349,43
95	90C09367	Xe đầu kéo	Hà Nam	ĐỖ VĂN THỊNH 1971	21	21,00000	302,82

96	90C10570	Xe đầu kéo	Hà Nam	LẠI MINH HIỀN	21	5,23217	4.013,63
97	90C09248	Xe đầu kéo	Hà Nam	LẠI MINH HIỀN	20	5,11693	3.908,59
98	90C04323	Xe đầu kéo	Hà Nam	LÊ VĂN HÀ 1983	20	6,30673	3.171,22
99	90H01436	Xe đầu kéo	Hà Nam	NGÔ VĂN BÌNH 1982	19	9,62806	1.973,40
100	90H00596	Xe đầu kéo	Hà Nam	NGUYỄN BÁ THỨC 1987	17	11,70532	1.452,33
101	90C06839	Xe đầu kéo	Hà Nam	NGUYỄN DUY NAM 1987	16	16,00000	895,26
102	90H01033	Xe đầu kéo	Hà Nam	NGUYỄN DUY VIỆT	15	8,38827	1.788,21
103	90C04909	Xe đầu kéo	Hà Nam	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	14	6,16608	2.270,49
104	90H00577	Xe đầu kéo	Hà Nam	NGUYỄN VĂN THẮNG 1975	14	5,58043	2.508,77
105	90C10391	Xe tải	Hà Nam	NGUYỄN VĂN THẮNG 1975	13	5,74251	2.263,82
106	90C05005	Xe đầu kéo	Hà Nam	NGUYỄN VĂN THẮNG 1975	13	8,11526	1.601,92
107	90C09574	Xe tải	Hà Nam	NGUYỄN VĂN THẮNG 1975	12	10,76429	1.114,80
108	90B00438	Xe bus	Hà Nam	NGUYỄN VĂN THẮNG 1975	11	11,00000	942,14
109	90C03636	Xe đầu kéo	Hà Nam	PHẠM VĂN ĐẠT 1982	9	5,98142	1.504,66
110	90H01861	Xe đầu kéo	Hà Nam	TRẦN NGỌC CƯỜNG	7	5,62242	1.245,02
111	90C05023	Xe đầu kéo	Hà Nam	VŨ TRỌNG ĐẠT 1994	6	6,00000	532,48